

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

BÙI NGỌC BÍCH THỦY

**TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG CỦA HÊGHEN
TRONG TÁC PHẨM “KHOA HỌC LÔGÍC”**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60.22.80

TÓM TẮT

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng – Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS: Nguyễn Tấn Hùng

Phản biện 1: PGS.TS.NGUT. Lê Hữu Ái

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thế Tư

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Khoa học xã hội và nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 31 tháng 01 năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phép biện chứng và Logic học là những thành tựu của tư tưởng triết học nhân loại, có quá trình hình thành rất sớm và được coi là những chuyên ngành truyền thống của triết học. Ở phương Tây, Hêraclit được coi là người sáng lập phép biện chứng duy vật cổ đại. Phép biện chứng cũng được Xôcrat và Platon phát triển về phía duy tâm và vận dụng như là nghệ thuật tranh luận để tìm ra chân lý. Hêghen đã kết hợp phép biện chứng với logic học thành một thể thống nhất – “*Khoa học logic*” và sử dụng nó như là công cụ để nghiên cứu các quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy nhằm mục đích đạt đến chân lý trong nhận thức. Tuy nhiên, trong logic học của Hêghen, những tư tưởng biện chứng có giá trị khoa học của ông vẫn còn bị che lấp bởi cái vỏ duy tâm, thần bí của nó.

Chính vì vậy, một yêu cầu được đặt ra là chúng ta cần nhận thức đúng đắn và sâu sắc hơn nữa về phép biện chứng của Hêghen đặc biệt là những tư tưởng biện chứng của ông trong tác phẩm “*Khoa học logic*” để qua đó thấy được những đóng góp có giá trị đã được triết học Mác-Lênin kế thừa và phát triển, đồng thời vạch ra những hạn chế duy tâm của nó. Vì lý do đó, tôi đã chọn vấn đề: “*Tư tưởng biện chứng của Hêghen trong tác phẩm Khoa học logic*” làm đề tài luận văn thạc sỹ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài có mục đích nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng biện chứng của Hêghen trong tác phẩm “*Khoa học Logic*”, chỉ ra những đóng góp, hạn chế của nó.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, đề tài đề ra những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những điều kiện và tiền đề lý luận cho sự hình thành tư tưởng biện chứng của Hêghen trong tác phẩm “Khoa học Lôgíc”.

- Phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng biện chứng của Hêghen trong tác phẩm “Khoa học Lôgíc”.

- Chỉ ra những đóng góp cũng như những hạn chế của những nội dung đó.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. *Đối tượng nghiên cứu:* Nghiên cứu những tư tưởng biện chứng của Hêghen thông qua tác phẩm “Khoa học Lôgíc”.

3.2. *Phạm vi nghiên cứu:* Luận văn giới hạn những tư tưởng biện chứng của Hêghen trong tác phẩm “Khoa học Lôgíc”, đồng thời tham khảo một số tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và sử dụng kết hợp các phương pháp: phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, trừu tượng và cụ thể, lịch sử và lôgic, đối chiếu, so sánh, v.v..

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có 3 chương (10 tiết).

6. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu về phép biện chứng của Hêghen, trước hết phải kể đến những công trình của C. Mác và Ph. Ăngghen trong các tác phẩm như: “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen”, “Gia

đình thần thánh”, “Hệ tư tưởng Đức”, “Lutvich Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức” và của V.I. Lênin trong tác phẩm “Bút ký triết học”, trong đó, các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin trình bày, kế thừa những hạt nhân hợp lý, đồng thời vạch ra những hạn chế, mâu thuẫn trong phép biện chứng của Hêghen.

Góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu về phép biện chứng Hêghen là các công trình của một số tác giả triết học ở Liên Xô trước đây, như bộ sách “*Lịch sử phép biện chứng* (gồm 6 tập) của Viện hàn lâm khoa học Liên Xô (đã được dịch ra tiếng Việt), trong đó tập III trình bày “*Phép biện chứng cổ điển Đức*” đã cung cấp một bức tranh chi tiết về phép biện chứng trong lịch sử nhận thức nhân loại, trong đó có tư tưởng biện chứng của Hêghen.

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu về Hêghen có thể chia làm mấy loại:

- *Các công trình dịch và giới thiệu về triết học Hêghen:*

Một đóng góp quan trọng vào việc nghiên cứu Hêghen là hai bản dịch và giới thiệu của dịch giả *Bùi Văn Nam Sơn*: “*G.W.F. Hegel: Bách khoa thư các khoa học triết học I, Khoa học lôgic*” (Nxb Tri thức, Hà Nội, 2008) và “*G.W.F. Hegel: Hiện tượng học tinh thần*” (Nxb Văn học, Hà Nội, 2006) đã được công bố trên mạng internet.

- *Các công trình nghiên cứu trực tiếp về một vấn đề trong triết học của Hêghen:*

+ Sách “*Quan niệm của Hêghen về bản chất của triết học*” của Nguyễn Trọng Chuẩn (Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1998).

+ Luận văn thạc sỹ: “*Quan điểm cơ bản của Hêghen về lôgic học*” của Lê Thanh Tâm, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân

văn Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2010

- Các công trình nghiên cứu gián tiếp về Hêghen phải kể đến:

+ Cuốn “*Lịch sử triết học phương Tây*” của Nguyễn Hữu Vui (chủ biên), (Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998); “*Lịch sử triết học phương Tây*” của Nguyễn Tiến Dũng (Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2006); “*Đại cương lịch sử triết học phương Tây*”, của Đỗ Minh Hợp - Nguyễn Thanh - Nguyễn Anh Tuấn (Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006). Gần đây có tác giả Nguyễn Tấn Hùng với Giáo trình sau đại học đã được xuất bản thành sách: “*Lịch sử Triết học phương Tây. Từ triết học Hy Lạp cổ đại đến triết học cổ điển Đức*” (Nxb Chính trị quốc gia, năm 2012) và Bài giảng “*Giới thiệu một số tác phẩm triết học ngoài mácxít*” (Đại học Đà Nẵng, 2013), trong đó, tác giả đã trình bày tư tưởng triết học, phép biện chứng của Hêghen và giới thiệu một cách khái quát tác phẩm “*Khoa học Lôgic*” của Hêghen.

Như vậy có thể nói ở nước ta, tuy đã có một số những công trình nghiên cứu có giá trị về Hêghen, nhưng chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu đầy đủ, chi tiết và có hệ thống về tư tưởng biện chứng của Hêghen trực tiếp từ tác phẩm “*Khoa học Lôgic*” của ông. Do vậy, đây là một đề tài tương đối mới mẻ.

CHƯƠNG 1

HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG CỦA HÊGHEN VÀ TÁC PHẨM “KHOA HỌC LÔGIC”

1.1. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG CỦA HÊGHEN

1.1.1. Điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của nước Đức cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX

Nước Đức cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX vẫn là một nước rất lạc hậu về kinh tế, chính trị so với nhiều nước ở châu Âu như Anh, Pháp.

Về kinh tế, nền kinh tế bị ràng buộc bởi *quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu*, hầu hết ruộng đất nằm trong tay địa chủ phong kiến, những tàn dư của chế độ nông nô, chế độ phường hội trong thành thị, đã làm cho năng suất lao động thấp, đời sống của đại đa số quần chúng nhân dân trở nên nghèo nàn và vô cùng cực khổ. Về chính trị, Triều đình vua Phổ Phririch Vinhem (1770 - 1840) không ngừng tăng cường quyền lực và duy trì *chế độ quân chủ chuyên chế hà khắc*, muốn đưa nhân dân mình quay trở về thời kỳ trung cổ, cản trở nước Đức phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Thực tế đó chứng tỏ *sự hạn chế và sự bất lực của phương pháp tư duy siêu hình* trong việc lý giải bản chất các hiện tượng của tự nhiên và thực tiễn xã hội đang diễn ra cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX.

1.1.2. Tiền đề về khoa học tự nhiên

Nước Đức tuy lạc hậu về kinh tế và chính trị, nhưng vì nó phát triển sau triết học Pháp nên đã kế thừa được những thành tựu của

khoa học mới, với những phát minh khoa học vĩ đại, một trong những khả năng cơ bản và kỳ diệu của trí tuệ là năng lực tư duy hướng dẫn hành động đúng đắn, đặc biệt là phải đi sâu khám phá những bí ẩn của thế giới và sáng tạo ra những công trình ngày càng hoàn thiện vì sự tồn tại và phát triển của con người.

1.1.3. Tiền đề về tư tưởng

Ở nước Đức, hệ tư tưởng thần học chiếm vị trí độc tôn trên vũ đài lý luận. Thần học là khoa học cơ bản trong các trường đại học tổng hợp. Triết học và các môn khoa học xã hội khác nhiều khi chỉ là *sự biện hộ và bảo vệ cho thần học*.

Trước một thực trạng xã hội rối ren phức tạp và mâu thuẫn chồng chất như vậy, trong tâm trạng của tầng lớp trí thức Đức đương thời đã xuất hiện tình trạng bi quan, bất mãn và bất lực - đó là nguyên nhân dẫn đến việc phát sinh *tư tưởng cải lương, thỏa hiệp, xuôi chiều, phủ nhận việc cải tạo xã hội cũ bằng bạo lực cách mạng, biện hộ cho sự tồn tại hợp lý của xã hội đương thời*.

1.2. VỀ CUỘC ĐÒI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HÊGHEN

1.2.1. Về tiểu sử của Hêghen

Ghióc Vinhem Phridrich Hêghen (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1770 - 1831) sinh tại Stuttgart, Wurttemberg, nay thuộc miền Nam nước Đức, là một trong số những nhà triết học nổi tiếng của nền triết học cổ điển Đức cùng thời với Johann Gottlieb Fichte và Friedrich Wilhelm Joseph Schelling. Hêghen là người xây dựng phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức, đặt nền móng cho tư tưởng biện chứng triết học Mácxít và làm hồi sinh triết học với tư cách là một hệ thống tri thức về thế giới.

Hêghen được coi là người sáng lập ra chủ nghĩa duy tâm Đức

và một trong những triết gia có ảnh hưởng nhất trong triết học Đức ở thế kỷ XIX

Năm 1801, Hêghen trở thành giảng viên Đại học Jena và hoàn thành tác phẩm *Hiện tượng học tinh thần* (1807), một trong những công trình quan trọng nhất của ông. Năm 1816, Hêghen nhận chức giáo sư triết học tại Đại học Heidelberg. Năm 1818, Hêghen được mời đến giảng dạy tại Đại học Berlin, nơi ông sẽ lưu lại cho đến ngày qua đời, ngày 14 tháng 12 năm 1831 vì bệnh dịch tả.

1.2.2. Về sự nghiệp của Hêghen

Mùa xuân năm 1793, Hêghen rời Tubingen đến Bern, sau đó đến Frankfurt am Main. Mùa hè năm 1795 Hêghen hoàn thành tác phẩm “Cuộc đời của chúa Jesus” nội dung của tác phẩm này cho thấy Hêghen hoàn toàn nằm trong vòng vây của các quan niệm Kitô giáo, đi từ chủ nghĩa duy lý của Kant đến chủ nghĩa phiếm thần thần bí.

Tại Frankfurt am Main, Hêghen viết tác phẩm “Tinh thần Kitô giáo và sản phẩm của nó”. Tác phẩm này đánh dấu sự khác biệt giữa Hêghen và Kant trong quan niệm về đạo đức.

Trong suốt cuộc đời, Hêghen đã xuất bản bốn quyển sách: 1) *Hiện tượng học tinh thần*, 2) *Khoa học Lôgic*, 3) *Bách khoa toàn thư các khoa học triết học* và 4) *Những nguyên lý của triết học pháp quyền*. Tác phẩm “*Bách khoa thư các khoa học triết học*” (tiếng Đức: *Enzyklopädie der philosophischen Wissenschaften im Grundrisse*) xuất bản lần đầu tiên vào năm 1817 và tái bản vào năm 1827 và 1830 là sự tóm tắt toàn bộ triết học của Hêghen. Năm 1821 Hêghen hoàn thành và xuất bản tác phẩm “*Những nguyên lý của triết học pháp quyền*” (tiếng Đức: *Grundlinien der Philosophie des Rechts*) trên tinh thần duy tâm khách quan.

Nhờ những đóng góp triết học lớn cho khoa học, ông trở thành một nhà triết học có uy tín, đồng đạo người hâm mộ, tạo nên một trường phái triết học - trường phái Hêghen. Hêghen là một trong những nhà triết học có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng triết học và văn hóa Châu Âu trong thế kỷ XIX và XX.

1.3. VỀ TÁC PHẨM “KHOA HỌC LÔGÍC” CỦA HÊGHEN

“Khoa học Lôgíc” là bộ phận quan trọng nhất trong hệ thống triết học của Hêghen. Nó có nhiệm vụ vạch rõ sự phát triển của tinh thần thế giới từ tồn tại thuần túy lên ý niệm tuyệt đối.

Kết cấu của tác phẩm “*Khoa học Lôgíc*” gồm có:

Phần Mở đầu và ba phần chính gồm:

Phần 1: Học thuyết về tồn tại bàn về tư tưởng trong triết học của nó

Phần 2: Học thuyết về bản chất bàn về tư tưởng trong sự phản tư và trong sự trung giới

Phần 3: Học thuyết về khái niệm và ý niệm bàn về tư tưởng trong sự tồn tại đã quay trở về trong chính mình và trong sự tồn tại nơi chính mình đã phát triển.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG CỦA HÊGHEN TRONG TÁC PHẨM “KHOA HỌC LÔGIC”

2.1. QUAN NIỆM CỦA HÊGHEN VỀ ĐỐI TƯỢNG CỦA TRIẾT HỌC, CỦA LÔGIC HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG ĐỐI VỚI NHẬN THỨC

2.1.1. Quan niệm của Hêghen về đối tượng của triết học

Hêghen đứng trên lập trường duy tâm khách quan và chủ nghĩa duy lý khi xem xét vấn đề đối tượng của triết học.

Hêghen cho rằng đối tượng của triết học là sự xem xét thế giới bằng tư duy. Ông nói: “Triết học có thể được định nghĩa một cách khái quát như là một sự xem xét bằng tư duy về những đối tượng”¹.

Hêghen phân biệt giữa tư duy triết học với các loại tư duy khác, theo Hêghen, giữa tư duy triết học với các tư duy khoa học cụ thể có sự khác biệt về đối tượng nghiên cứu, tư duy triết học là tư duy về khái niệm, nhưng chúng cũng có điểm tương đồng với nhau vì có cùng mục đích là chân lý và chân lý tối cao là Thượng đế.

2.1.2. Quan niệm của Hêghen về đối tượng của Lôgic học

Hêghen xác định: Lôgic học là khoa học về ý niệm thuần túy. Ông nói: “Lôgic học là Khoa học về Ý niệm thuần túy, tức là, về ý niệm trong môi trường trừu tượng của tư duy”².

Hêghen hiểu tư duy theo nghĩa rộng, cho nên ông đã khẳng định giới tự nhiên chính là tư duy thể hiện dưới các dạng vật chất, hay còn gọi là tư duy khách quan vô thức và chúng đồng nhất về mặt

¹ G.W.F. Hegel, *Bách Khoa Thư các khoa học triết học I – Khoa học Lôgic*, Bùi Văn Nam Sơn dịch, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội, 2008, tr. 39.

² G.W.F. Hegel, sđd, tr. 64

nội dung.

Theo Hêghen, *mục đích của lôgic học là nhận thức chân lý. Chân lý cao cả thuộc về Thượng đế.*

Hêghen *phê phán những hạn chế của lôgic học hình thức truyền thống.* Ông phê phán quan niệm cho rằng lôgic học chỉ nghiên cứu tư duy, tư tưởng trong tính *chủ quan thuần túy*, hoặc chỉ là *hình thức thuần túy*. Đó là hạn chế của lôgic học truyền thống.

Theo Hêghen, lôgic học biện chứng cần phải *nghiên cứu những hình thức gắn liền với nội dung tư tưởng trong tính khách quan của nó.*

Hêghen đã *đồng nhất lôgic học với siêu hình học.* Theo ông, “*lôgic học*” trùng khít với *siêu hình học*, tức với khoa học về những sự vật được nắm bắt ở trong *tư tưởng*, tức trong những gì được xem là để diễn tả *những tính bản chất của sự vật*¹.

Hêghen vạch ra những bất cập của siêu hình học cũ (từ Kant trở về trước). Ông chỉ ra rằng tính giáo điều của siêu hình học cũ “là ở chỗ bám chặt lấy những quy định tư tưởng trong sự cô lập của chúng”, trong khi đó, triết học biện chứng thì “có nguyên tắc về tính toàn thể và tự cho thấy có năng lực bao trùm tính phiến diện của những quy định trừu tượng của giác tính”. Đặc biệt, ông phê phán siêu hình học cũ *đã phủ nhận mâu thuẫn nội tại trong bản thân sự vật, không thấy được sự thống nhất của các mặt đối lập.*

2.1.3. Quan niệm của Hêghen về vai trò của phép biện chứng đối với nhận thức và khoa học.

Hêghen đưa phép biện chứng vào lôgic học. Ở Hêghen, phép

¹ G.W.F. Hegel, sdd, tr.77.

biện chứng và logic gắn liền với nhau. Phương pháp biện chứng được coi là linh hồn triết học của Hêghen, nó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các phạm trù, các quy luật của logic học, làm cho logic học trở thành một khoa học phát triển, sống động và có giá trị lịch sử triết học lớn.

Hêghen phê phán những quan điểm không đúng về phép biện chứng

Trong thời cổ đại, Xôcrat, Platon xem phép biện chứng như là *một nghệ thuật tranh biện.* Hêghen chỉ ra hạn chế của quan niệm như vậy. Đối với Hêghen, phép biện chứng không phải là nghệ thuật hay công cụ được sử dụng trong tranh luận, mà là *học thuyết về những mối liên hệ hữu cơ, về những quy luật vận động, phát triển của thế giới.*

Hêghen trình bày toàn bộ giới tự nhiên, lịch sử và tư duy trong sự vận động, biến đổi và phát triển không ngừng. Ông là người đầu tiên trình bày có tính hệ thống các nguyên lý, qui luật và các phạm trù của phép biện chứng. Các khái niệm, phạm trù trong triết học của Hêghen có tính mềm dẻo, năng động, liên hệ, mâu thuẫn, quy định lẫn nhau, chuyển hóa lẫn nhau, cùng vận động và phát triển. Hêghen được coi là người có công đặt nền tảng cho những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật. Đó là đóng góp lớn và có tính cách mạng triết để trong triết học Hêghen.

Tóm lại, phép biện chứng là linh hồn sống của hệ thống triết học Hêghen. Mặc dù những tư tưởng về biện chứng của ông chỉ nói đến trong lĩnh vực tư duy nhưng đó là những tư tưởng cơ bản xuyên suốt, là mạch suối ngầm thấm chảy qua toàn bộ hệ thống triết học của Hêghen và phép biện chứng là “thực chất của nhận thức”, nó khắc phục được tính phiến diện và hạn chế của nhận thức, vì vậy, mà logic

học và phép biện chứng đồng nhất với nhau.

2.2. HỌC THUYẾT VỀ TỒN TẠI

2.2.1. Phạm trù tồn tại

Phạm trù cơ bản nhất nhưng sơ khai nhất của lôgic học Hêghen, đó là phạm trù *tồn tại*. Học thuyết về tồn tại gắn liền với quy luật chuyển hóa lượng thành chất và ngược lại.

Tồn tại thuần túy

Bắt đầu vào khái niệm “Chất”, Hêghen trình bày khái niệm “Tồn tại thuần túy”. Ông giải thích: “Tồn tại thuần túy là cái bắt đầu, bởi nó không chỉ là tư tưởng thuần túy, mà còn là cái trực tiếp đơn giản, vô quy định, và (bởi vì) cái bắt đầu đầu tiên không thể là cái gì được trung giới và được quy định thêm gì hết.”¹

Hư vô

Tồn tại thuần túy cũng có nghĩa là “Hư vô”. Hegel viết: “Nhưng tồn tại thuần túy là *sự trừu tượng thuần túy*, và do đó, là cái *phủ định* - (một cách) *tuyệt đối*, cái này, nếu cũng được nắm lấy một cách trực tiếp, là *hư vô*”²

Sự trở thành

Theo Hegel, Tồn tại và Hư vô là hai khái niệm ngang bằng nhau và thống nhất ở khái niệm “Trở thành”³

Tồn tại hiện có (Dasein)

Hêghen giải thích: “Trong sự trở thành, tồn tại như là một với hư vô, và hư vô như là một với tồn tại và đều chỉ là những yếu tố đang tiêu biến đi; và do sự mâu thuẫn của nó, sự trở thành sụp đổ bên

¹ G.W.F. Hegel, sdd, tr. 202.

² G.W.F. Hegel, sdd, tr. 208.

³ G.W.F. Hegel, sdd, tr. 211

trong chính mình và cả hai yếu tố đều biến vào trong một sự thống nhất (hay nhất thể), kết quả của nó (của sự trở thành) là *tồn tại hiện có* (hay *tồn tại được quy định*)”¹

2.2.2. Các phạm trù Chất – Lượng – Độ

Chất là phạm trù đầu tiên trong nội dung của học thuyết về tồn tại. Tất nhiên, “Lượng cũng là [một] tính quy định của tồn tại, nhưng là tính quy định không còn đồng nhất trực tiếp với tồn tại nữa mà là tính quy định dừng dung và ngoại tại đối với tồn tại”²

Khi nghiên cứu khái niệm Tồn tại và Hư vô cùng đi vào cái thống nhất (đồng nhất) và tạo nên khái niệm thứ ba - *Sự sinh thành*, tính đối lập dường như bị mất đi, tam đoạn thức được xác lập: Tồn tại, hư vô và sự sinh thành.

Theo Hêghen, sự sinh thành cũng chỉ là quá trình chứ nó chưa hoàn thiện. Nó chỉ là kết quả xét theo nghĩa kết quả đang triển khai của tồn tại và hư vô.

Giai đoạn phát triển tiếp theo của tồn tại là “Lượng”, lượng là tính quy định bên ngoài của tồn tại, lượng không quyết định đối với tồn tại

Hêghen hiểu lượng xác định như lượng thống nhất trong tính quy định được giới hạn và gọi đó là tồn tại hiện có của chất, còn lượng thuần túy là lượng phù hợp với tồn tại nói chung.

Khi nói về *đại lượng*, Hêghen cho rằng: Đại lượng là lượng xét về một số khía cạnh như: quy mô nhiều hay ít, lớn hay nhỏ, được đo

¹ G.W.F. Hegel, *Bách Khoa Thư các khoa học triết học I – Khoa học Logic*, sđd, tr. 221

² G.W.F. Hegel, *Bách Khoa Thư các khoa học triết học I – Khoa học Logic*, sđd, tr. 224

bằng con số hay lượng là kích thước, hình thức bên ngoài, sự tăng giảm được tính theo các đại lượng toán học, Hêghen lưu ý về sự tăng giảm bề ngoài của sự vật không làm chấm dứt sự tồn tại của sự vật.

Cấp độ (Grad, degree). Hêghen nêu ra để lý giải đại lượng biến thiên của lượng xác định. Đây cũng là khái niệm trung gian, biểu thị giới hạn của một tồn tại đơn nhất, cấp độ là lượng xét về mặt trình độ (cao, thấp, sâu sắc hay nông cạn), mức độ ...

Dựa trên thành tựu của khoa học đương thời, đặc biệt là trong lĩnh vực hóa học Hêghen đã đưa ra khái niệm đường dây nút của độ để khẳng định trong quá trình phát triển sẽ xảy ra tình trạng sự tiệm tiến bị gián đoạn bởi những bước nhảy vọt.

Có thể giải thích tư tưởng này một cách dễ hiểu hơn: Độ là thể hiện sự thống nhất giữa chất và lượng, nhưng trong đó bao hàm sự khác biệt (do sự thay đổi thường xuyên của lượng). Nếu sự thay đổi của lượng (tăng lên hoặc giảm xuống) còn nằm trong giới hạn cho phép của độ thì sự vật chưa thay đổi. Nếu độ thay đổi vượt quá giới hạn của độ thì chất của sự vật thay đổi.

2.3. HỌC THUYẾT VỀ BẢN CHẤT

2.3.1. Bản chất như là cơ sở của sự hiện hữu

Hêghen cho rằng bản chất xuất phát từ tồn tại bởi vì nó là kết quả của quá trình vận động từ tồn tại thuần túy đến tồn tại hiện thực thông qua quá trình chuyển hóa giữa lượng và chất, vì vậy, bản chất là tồn tại hiện thực và được xác định.

Các quy định thuần túy của sự phản tư, Hêghen đã phân tích sự đồng nhất và sự khác biệt trong bản chất.

Theo Hêghen không có sự đồng nhất trừu tượng, chung chung mà phạm trù đồng nhất luôn mang tính cụ thể, nó chứa đựng yếu tố

khác biệt. Hơn nữa mọi sự đồng nhất thường chỉ mang tính tương đối. Hêghen cho rằng sự khác biệt là một giai đoạn phát triển của phạm trù sự đồng nhất, nó phản ánh sự bất hòa trong lòng bản chất và xu hướng xung đột ngày càng tăng lên. Từ sự khác nhau bên ngoài dẫn tới sự khác nhau bên trong.

2.3.2. Hiện tượng

Hêghen phân tích mối quan hệ giữa bản chất và hiện tượng “Bản chất phải xuất hiện ra thành hiện tượng”¹. Chữ “phải” ở đây nói lên một sự tất yếu, do đó, trong sự quá độ từ bản chất sang hiện tượng đã có mặt sự tất yếu nhưng còn ở trong trạng thái “tự mình”(mặc nhiên) đến gần với sự tất yếu đúng nghĩa.

2.3.3. Hiện thực

Học thuyết về bản chất của Hêghen được khép lại bằng việc phân tích một cách biện chứng khái niệm hiện thực, mối quan hệ giữa khả năng và hiện thực. Theo Hêghen khả năng và hiện thực tồn tại trong sự thống nhất với nhau, ở đó khả năng tồn tại trong trong xu thế chuyển thành hiện thực.

Luận điểm xuyên suốt toàn bộ phép biện chứng của Hêghen là: “Tất cả cái gì là hiện thực, đều là hợp lý và tất cả cái gì là hợp lý, đều là hiện thực”². Trên thực tế Hêghen phân biệt rất rõ sự khác nhau giữa tồn tại và hiện thực. Cái gì tồn tại hợp lý là mới được coi là hiện thực.

Bên cạnh mối quan hệ giữa khả năng và hiện thực, Hêghen đưa ra và phân tích một số cặp phạm trù cơ bản của hiện thực.

Trước hết, đó là cặp phạm trù *nội dung và hình thức* thể hiện

¹ G.W.F. Hegel, sdd, tr. 519.

² G.W.F. Hegel, sdd, tr. 43

mối quan hệ của các sự vật hiện tượng. Hêghen đã chia hình thức thành hai dạng đó là hình thức bên trong và hình thức bên ngoài.

Đối với cặp phạm trù *bản chất và hiện tượng*, Hêghen cho rằng bản chất không thể ở dạng thuần túy, tự thân, mà chỉ có thể và cần phải hiện ra trong các hiện tượng của thời gian khách quan.

Trong cặp phạm trù *nguyên nhân và kết quả*, theo Hêghen, phạm trù nguyên nhân được xem xét như là phạm trù tương tác (tức là có sự tác động qua lại), không có sự tác động qua lại thì không có nguyên nhân.

Đối với cặp phạm trù *tất yếu và tự do*

Ở Hêghen tiền đề của tự do nằm trong tất yếu, do tất yếu quy định, tự do mang cái tất yếu trong bản thân mình và được hình thành trong quá trình phát triển của thế giới. Thế giới là lịch sử của tinh thần và trong lịch sử đó tự do có một vị trí không thay thế được đối với cái tất yếu, tự do phải giành chiến thắng đối với cái tất yếu.

Tóm lại, Hêghen đã đưa ra những tư tưởng quan trọng về các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng và cho rằng giữa các phạm trù đó có mối quan hệ mật thiết với nhau. Là nhà triết học duy nhất trước Mác đã đặt vấn đề về sự phát triển của các phạm trù, cố gắng đem lại một bức tranh hoàn chỉnh về quá trình này.

2.4. HỌC THUYẾT VỀ KHÁI NIỆM

2.4.1. Học thuyết về khái niệm chủ quan hay khái niệm (đơn thuần) hình thức

Trong học thuyết về khái niệm chủ quan trước hết Hêghen phân ra: Tính phổ biến, tính đặc thù và tính đơn nhất. Theo quan điểm của Hêghen tính chủ quan là điểm khởi đầu của khái niệm, nó tiến triển theo ba quá trình đó là: Khái niệm hình thức (khái niệm

thuần túy), phán đoán, suy luận.

2.4.2. Học thuyết về tính khách quan hay về khái niệm như được quy định (để) trở thành sự trực tiếp

Khái niệm trong “tính khách quan” chính là sự vật nếu nó phù hợp với khái niệm của nó, khái niệm là bản chất và cái sinh ra thế giới, tức là ý niệm đi từ chủ thể sang khách thể, ý niệm sinh ra khách thể.

Ý nghĩa quan trọng của phần nói về khái niệm khách quan là ở chỗ “Hêghen đã dự đoán được rằng hoạt động có mục đích của con người phải dựa trên sự thông hiểu những quy luật của tự nhiên, cụ thể là các quy luật của cơ học và hóa học. Điều đó có nghĩa là đời sống của con người phải dựa trên mục đích luận”¹

2.4.3. Học thuyết về ý niệm, về quan hệ chủ thể - khách thể, về sự thống nhất của khái niệm với tính khách quan, về chân lý tuyệt đối

“Ý niệm” là sự thống nhất giữa tính khách quan và chủ quan, giữa lý luận và thực tiễn. Trong tính khách quan cái gì mang tính mục đích thì cái đó chắc chắn phải là sự sống nên đằng sau sự phát triển mục đích chính là sự sống.

Đến “ý niệm tuyệt đối” thì ý niệm lôgic đã hoàn thành, hình thức của chân lý phát triển đầy đủ tạo điều kiện để lý tính chuyển sang giai đoạn mới.

2.5. KHÁI QUÁT TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG CỦA HÊGHEN THÔNG QUA TÁC PHẨM “KHOA HỌC LÔGÍC”

Hêghen là người đầu tiên trong lịch sử trình bày toàn bộ giới tự nhiên, lịch sử, xã hội, tinh thần của con người dưới dạng một quá

¹ Lê Công Sự (2006), *Triết học cổ điển Đức*, Nxb Thế giới, Hà Nội

trình, tức là trong quá trình vận động và phát triển. Trước hết, đó là tư tưởng về sự liên hệ, chuyển hóa lẫn nhau giữa các khái niệm và phạm trù lôgic theo quy luật về sự chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất, quy luật xâm nhập lẫn nhau giữa các mặt đối lập (quy luật mâu thuẫn). Hêghen phân biệt giữa mâu thuẫn biện chứng và mâu thuẫn lôgic hình thức. Đối với Hêghen, mâu thuẫn biện chứng là nguồn gốc của sự vận động và phát triển. Toàn bộ hệ thống của Hêghen được xây dựng trên tam đoạn thức theo quy luật phủ định của phủ định.

Bên cạnh đó Hêghen cũng đã có tư tưởng biện chứng về các cặp phạm trù, đây là một đóng góp quan trọng để sau này Mác – Ăngghen kế thừa để hoàn thiện các cặp phạm trù của chủ nghĩa duy vật.

CHƯƠNG 3

NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ HẠN CHẾ CỦA TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG CỦA HÊGHEN TRONG TÁC PHẨM “KHOA HỌC LÔGIC”

3.1. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG HÊGHEN TRONG TÁC PHẨM “KHOA HỌC LÔGIC”

Trước hết, Hêghen là người có công sáng lập ra một loại lôgic học mới - Lôgic học biện chứng, khắc phục được những hạn chế của lôgic học hình thức, đặt cơ sở cho sự thống nhất giữa phép biện chứng, lôgic học và lý luận nhận thức.

Lôgic học biện chứng ở Hêghen tuy còn duy tâm nhưng đã chứa đựng nhiều hạt nhân hợp lý và sau này được C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin phát triển thành lôgic học biện chứng duy vật và vận dụng trong nghiên cứu khoa học.

Hai là, Hêghen đã có công trong việc phê phán phương pháp tư duy cứng nhắc của siêu hình học cũ đã từng thống trị trong tư tưởng của nhân loại hàng nghìn năm lịch sử.

Hêghen phê phán một loạt những bất cập của siêu hình học truyền thống, như chủ nghĩa giáo điều, phép nguy biện và thuyết hoài nghi... Đặc biệt ông phê phán siêu hình học đã xem xét sự vật trong sự cô lập, phủ nhận mâu thuẫn nội tại trong sự vật.

Ba là, Hêghen là người có công phát triển phép biện chứng trở thành một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, được vận dụng thống nhất trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

“Nền triết học Đức đã đạt tới đỉnh cao của nó trong hệ thống của Hêghen, trong đó, lần đầu tiên - và đây là công lao to lớn của ông- toàn bộ thế giới tự nhiên, lịch sử và tinh thần được trình bày như một quá trình, nghĩa là luôn luôn vận động, biến đổi, biến hóa và phát

triển, ông đã cố vạch ra mối liên hệ nội tại của sự vận động và sự phát triển ấy.”¹

Bốn là, Hêghen đặt cơ sở cho việc nhận thức các quy luật và các cặp phạm trù cơ bản của lôgic học và phép biện chứng. Đó là quy luật về sự chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất, quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối, quy luật phủ định của phủ định; các cặp phạm trù: bản chất và hiện tượng, nội dung và hình thức, nguyên nhân và kết quả, tất nhiên và ngẫu nhiên, khả năng và hiện thực, tự do và tất yếu.

Năm là, Hêghen đã giải quyết được những khó khăn trong nhận thức mà các nhà triết học trước ông đã gọi là “nghịch lý” (Zenon) hay “antinomy” (Kant).

V.I. Lênin đã vận dụng tư tưởng về sự kết hợp các mặt đối lập trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là trong Chính sách kinh tế mới. Ngày nay, chúng ta cũng cần vấn đề phương pháp biện chứng, xem xét sự vật trong sự thống nhất của các mặt đối lập trong việc tiếp cận và giải quyết một loạt các mâu thuẫn trong cuộc sống con người, như mâu thuẫn giữa kế hoạch và tự do, giữa dân chủ và tập trung, giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế, giữa tôn giáo và vô thần, v.v..

Tóm lại, công lao của Hêghen như Ph. Ăngghen đã chỉ ra, một mặt là sự tổng kết được toàn bộ lịch sử triết học, mặt khác là phương pháp biện chứng của ông. Đóng góp vĩ đại của Hêghen về khoa học là ở chỗ ông đã phát hiện ra quan hệ có tính quy luật, tất yếu giữa

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 39.

ngiên cứu lý luận, quá trình chuyển tiếp có logic từ một khái niệm này sang một khái niệm khác với quá trình lịch sử.

3.2. Những hạn chế và mâu thuẫn trong tư tưởng biện chứng của Hêghen

Trước hết, hạn chế bao trùm nhất là lập trường duy tâm khách quan và tôn giáo.

Hêghen đã biến tư duy, ý thức vốn là sản phẩm cao nhất của vật chất, đóa hoa rực rỡ của đầu óc con người trở thành một tồn tại *tự nó, khách quan, tuyệt đối, có tính chất thần thánh*. Hêghen đã *đồng nhất tư duy với tồn tại, đồng nhất ý niệm, chân lý với Thượng đế*.

Vì Hêghen đã thần thánh hóa tư duy, nên tất cả các phạm trù trong “Khoa học Lôgic” của ông là những quy định của một Thượng đế rất đặc biệt, nhưng những tính quy định đó của Thượng đế là không như nhau xét về cụ thể và hoàn hảo.

Phép biện chứng của Hêghen là một trong những thành tựu quý giá nhất của triết học cổ điển Đức nói riêng và lịch sử triết học trước Mác nói chung. Tuy nhiên, Hêghen đã sáng tạo logic biện chứng trên lập trường duy tâm.

Thứ hai, Hêghen đã đồng nhất một cách gượng ép giữa logic học, phép biện chứng và siêu hình học.

Siêu hình học, phép biện chứng và logic học là những bộ phận của triết học, nhưng chúng *có chủ đề nghiên cứu khác nhau, không đồng nhất với nhau*. Ba bộ phận này có mối liên hệ khăng khít với nhau, nhưng chúng không hoàn toàn đồng nhất với nhau.

Thứ ba, với lập trường chính trị bảo thủ, thỏa hiệp, triết học Hêghen đã trở thành công cụ biện minh và bảo vệ chế độ quân chủ chuyên chế, thối nát ở Phổ.

Triết học Hêghen chứa đựng những mâu thuẫn nhất định. Đó là mâu thuẫn giữa phương pháp biện chứng với hệ thống duy tâm, khép kín, mâu thuẫn giữa mặt cách mạng trong phép biện chứng của ông với tính bảo thủ trong lập trường chính trị và địa vị giai cấp của ông. Nói gọn lại, đó là mâu thuẫn giữa mặt tiến bộ, cách mạng và mặt bảo thủ và phản động.

Bản thân phép biện chứng của Hêghen không triệt để bởi tính duy tâm của nó. Phép biện chứng duy tâm của Hêghen lý giải chưa toàn diện sự thống nhất của các mặt đối lập, chỉ nhấn mạnh sự chuyển hóa lẫn nhau, sự đồng nhất.

Theo quan điểm duy tâm, tôn giáo chủ quyền tối cao trong một quốc gia thuộc về nhà vua, vì nhà vua là người thay mặt Thượng đế để cai trị nhân dân. Quan điểm này có tác dụng bào chữa cho chế độ quân chủ chuyên chế đã lỗi thời, thối nát, bảo thủ.

Thứ tư, phương pháp tư duy tư biện, hệ thống tam đoạn thức luận cứng nhắc, nhiều khi chỉ căn cứ vào lôgic chủ quan của tư duy, xa rời thực tế.

Tác phẩm “Bách khoa thư các khoa học triết học”, tác phẩm “Khoa học Lôgic” và toàn bộ hệ thống các phạm trù, khái niệm trong triết học Hêghen đều được trình bày dưới hình thức *tam đoạn thức: Chính đề - phản đề - hợp đề*. Thật ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy, không phải bất cứ ở đâu, lúc nào, sự vận động, phát triển cũng tuân theo một công thức cứng nhắc như vậy.

KẾT LUẬN

Hêghen là nhà biện chứng lỗi lạc, triết học của ông là “tập đại thành” của triết học cổ điển Đức - một tiền đề lý luận của triết học mácxít. Các tác phẩm triết học lớn trong đó có “Khoa học Lôgic” đã tồn tại và vượt qua được sự thẩm định hết sức nghiêm khắc của các thời đại và cho đến hiện nay vẫn tiếp tục tỏ rõ vai trò của chúng trong đời sống trí tuệ của nhân loại.

Là nhà biện chứng duy tâm và nhà triết học duy tâm khách quan, do điều kiện lịch sử và xã hội nên triết học của ông hàm chứa nhiều mâu thuẫn. Không thể phủ nhận rằng cái có giá trị nhất và có sức sống mạnh mẽ nhất trong triết học của ông chính là phép biện chứng, mà thực chất đó là học thuyết về sự phát triển toàn diện với tư cách là sự vận động tiến tới chuyển hóa về chất với tư cách là sự đi lên theo thang bậc lôgic có tuần tự về tính chất mâu thuẫn của sự phát triển bao gồm sự tương tác giữa các mặt đối lập, sự phủ định tồn tại hiện có và đồng thời là sự giữ lại cái tích cực của quá khứ.

Hêghen là người đưa phương pháp biện chứng vào nghiên cứu khoa học một cách thành công nhất so với tất cả các nhà triết học trước đó và phương pháp biện chứng của ông đã đúng cho mọi thời đại, nhất là trong xã hội ngày nay việc hội nhập thế giới, toàn cầu hóa, đa phương hóa, đa dạng hóa không nằm ngoài phép biện chứng, phương pháp biện chứng của Hêghen.

Vai trò lịch sử của triết học Hêghen là ở chỗ phát triển đến độ hoàn chỉnh vì phép biện chứng bao quát toàn bộ những vấn đề cốt lõi của tự nhiên, xã hội và tư duy với cách lập luận, lý giải sâu sắc. Mác - Ăngghen và sau này cả Lênin nữa đều đánh giá rất cao vai trò và ý

nghĩa của triết học Hêghen. Chính triết học Hêghen đã trở thành một trong những nguồn gốc lý luận quan trọng trực tiếp của triết học mácxít. Thông qua tác phẩm “Khoa học Lôgíc” chúng ta mới thấu hiểu được những tư tưởng thiên tài cũng như đóng góp của Hêghen đối với thời đại.